

## VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2024/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 28 tháng 6 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHOÁ XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban

*nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định:

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
2. Mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng; mức chi trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
3. Mức chi tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức; một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.
4. Nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thành lập một Tổ bảo vệ an ninh, trật tự gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Đối với thôn, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên: Bố trí 05 thành viên (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 03 Tổ viên).

b) Đối với thôn, tổ dân phố từ 350 hộ đến dưới 500 hộ: Bố trí 04 thành viên (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 02 Tổ viên).

c) Đối với thôn, tổ dân phố dưới 350 hộ: Bố trí 03 thành viên (01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 01 Tổ viên).

3. Mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 1.200.000 đồng.

b) Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 1.100.000 đồng.

c) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 1.000.000 đồng.

**Điều 4. Mức chi trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Mức chi hỗ trợ mua sắm (đèn pin, còi), sửa chữa phương tiện, thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn theo định mức quy định (tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết).

**Điều 5. Mức chi tập huấn, diễn tập, hội thi; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

Mức chi hỗ trợ tổ chức tập huấn, diễn tập, hội thi; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức, thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 6. Một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

1. Hằng tháng được hỗ trợ chi phí đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện bằng mức đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện thấp nhất; hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế 54.000 đồng/người/tháng. Trường hợp đã được Nhà nước hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

2. Mức chi bồi dưỡng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của Chính phủ; khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng bồi dưỡng: 70.000 đồng thực hiện

nhiệm vụ dưới 02 giờ; 100.000 đồng khi thực hiện nhiệm vụ từ 02 giờ đến dưới 04 giờ; 140.000 đồng trên mỗi 04 giờ khi thực hiện nhiệm vụ từ 04 giờ trở lên.

3. Khi làm nhiệm vụ theo quyết định huy động, điều động hoặc kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt tại những nơi thuộc khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm bằng 119.200 đồng.

4. Người chưa tham gia Bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức hưởng Bảo hiểm y tế đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn bằng 42.000 đồng/người/ngày đến khi ổn định sức khỏe ra viện. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với trường hợp đã được hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế.

5. Người chưa tham gia Bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng:

a) Trong trường hợp bị tai nạn phải điều trị tại bệnh viện (*kể cả trường hợp vết thương tái phát*) cho đến khi xuất viện thì được hưởng như quy định tại khoản 4 Điều này. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng 7.450.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm 1% thì được hưởng thêm 745.000 đồng.

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000 đồng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000 đồng.

c) Quy định tại các điểm a, điểm b khoản này không áp dụng đối với trường hợp đã được hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội.

### **Điều 7. Nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương**

1. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo về kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, hỗ trợ tiền đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế, chi trang phục và thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện theo quy định.

2. Ngân sách cấp huyện, cấp xã bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác chi thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 Điều 4; Điều 5; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 6 Nghị quyết này; kinh phí sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ yêu cầu công tác theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành: “1. Phạm vi điều chỉnh: Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

2. Bãi bỏ Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Trường hợp có sự thay đổi, cải cách chính sách tiền lương làm thay đổi mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện./.

**CHỦ TỊCH**  
**Dương Văn Trang**

**PHỤ LỤC**

**Mức chi trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**  
(Kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**MỨC CHI TRANG BỊ LẦN ĐẦU**

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Mũ mềm + huy hiệu	Cái	97.000đ/người/3 năm	Ngân sách tỉnh đảm bảo, bố trí dự toán hằng năm cho Công an tỉnh thực hiện. Trang bị những năm tiếp theo thực hiện theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
2	Mũ cứng + huy hiệu	Cái	150.000đ/người/3 năm	
3	Mũ bông + huy hiệu	Cái	112.000đ/người/3 năm	
4	Mũ bảo hiểm	Cái	255.000đ/người/5 năm	
5	Quần áo xuân hè ngắn tay + phù hiệu tay áo	Bộ	505.000đ/người/1 năm	
6	Áo xuân hè dài tay + phù hiệu tay áo	Cái	310.000đ/người/2 năm	
7	Quần áo thu đông + phù hiệu tay áo	Bộ	630.000đ/người/2 năm	
8	Áo ấm + phù hiệu tay áo	Cái	590.000đ/người/3 năm	
9	Áo sơ mi	Cái	255.000đ/người/2 năm	
10	Ca ra vát	Cái	510.00đ/người/2 năm	
11	Dây lưng	Cái	290.000đ/người/3 năm	
12	Giày da	Đôi	510.000đ/người/2 năm	
13	Dép nhựa	Đôi	100.000đ/người/1 năm	
14	Bít tất	Đôi	36.000đ/người/1 năm	
15	Quần áo mưa	Bộ	395.000đ/người/3 năm	